TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST
Ngày 11 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long, ông Đoàn Văn Thống.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 11/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 01/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Huy T**, sinh ngày 04/01/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Huy T2, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không.

Tiền sự: 01.

- Tại Quyết định số 003549 ngày 17/7/2021, Công an xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản, số tiền phạt 1.500.000 đồng. Ngày 25/10/2021, bị cáo thi hành xong quyết định.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 207/2015/HSST ngày 08/7/2015, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Ngày 29/4/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án số 124/2017/HSST ngày 27/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 21/12/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án số 247/2018/HSST ngày 03/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 22/3/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Quyết định số 06/2020/QĐ-TA ngày 09/01/2020, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng đối với bị cáo. Ngày 04/02/2021, bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/10/2021 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Phan Thanh T1**, sinh ngày 22/01/1997 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan D, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 21/10/2021, Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 03 tháng đối với bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

1. Anh Lê Minh H, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: TDP B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Dương Minh T3, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Trương Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Minh B, sinh năm 1990 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt).
Địa chỉ: TDP D, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Địa chỉ: TDP D, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Phan D, sinh năm 1965 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Y B Krông, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn N, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Chị Trần Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1999 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà X, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2021, Vũ Huy T và Phan Thanh T1 đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ 01: Khoảng 09 giờ ngày 19/9/2021, Vũ Huy T điều khiển xe mô tô biển số 72C1-26167 đến dừng trước cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật tại thôn A, xã H, thành phố B (do anh Lê Minh H làm chủ). Lúc này, thấy cửa hàng không có người trông coi nên T đi vào bên trong, lấy trộm 01 máy bơm hơi, loại 08kg gồm 01 bình hơi màu xanh gắn 01 máy bơm công suất 01HP. Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, T mang máy bơm hơi đã trộm cắp được đến khu vực đường Phan Đình G, phường T, thành phố B, bán cho một người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận định giá số 210/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 máy bơm hơi, loại 08kg gồm 01 bình hơi màu xanh gắn 01 máy bơm công suất 01HP tại thời điểm ngày 19/9/2021, trị giá 800.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Lê Minh H không yêu cầu Vũ Huy T bồi thường thiệt hại đối với 01 máy bơm hơi mà T đã chiếm đoạt.

Vụ 02: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2021, Vũ Huy T đi bộ đến khu vực thôn C, xã H, thành phố B thì thấy trong sân nhà ông Dương Minh T3 để 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Medal, màu xanh, biển số 47K8-8032, có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi. Lúc này, T đi vào trong sân, lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô, dắt ra ngoài đường rồi nổ máy, điều khiển xe chạy thoát. Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô, ông T3 đã trình báo đến Cơ quan Công an để giải quyết vụ việc. Do biết nhà ông T3 có gắn Camera ghi lại hình ảnh T lấy trộm xe nên đến ngày 13/10/2021, T đưa chiếc xe mô tô cho anh Dương Văn T (sinh năm 1991, là em trai của ông Dương Minh T3), nhờ trả lại cho ông T3.

Tại bản Kết luận định giá số 210/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Medal, màu xanh, biển số 47K8-8032, tại thời điểm ngày 10/10/2021, trị giá 900.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Medal, biển số 47K8-8032 thuộc quyền sở hữu của ông Dương Minh T3. Do vậy, ngày 21/01/2022 Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho ông T3. Sau khi nhận lại tài sản, ông T3 không yêu cầu gì khác.

Vụ 03: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12/10/2021, Phan Thanh T1 điều khiển xe mô tô biển số 47N5-5966 chở Vũ Huy T đến trước nhà ông Trương Văn C, tại thôn A, xã H, thành phố B. Lúc này, gia đình ông C đang ngủ. T, T1 dừng xe rồi đi

vào sân nhà ông C thì thấy có nhiều bao bắp, bao lúa nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó, cả hai cùng nhau trộm cắp và khiêng 02 bao bắp, loại bắp lai đỏ (một bao có khối lượng 76kg, một bao có khối lượng 70kg), đặt lên xe mô tô biển số 47N5-5966 chở đi tiêu thụ. Đến khoảng 07 giờ 00 cùng ngày, T và T1 mang 02 bao bắp đã trộm cắp được đến cơ sở xay xát Đ, tại địa chỉ đường T, phường K, thành phố B, bán cho bà Nguyễn Thị L (chủ cơ sở) được số tiền 950.000 đồng rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 04: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/10/2021, Phan Thanh T1 điều khiển xe mô tô biển số 47N5-5966 chở Vũ Huy T tiếp tục đến sân nhà ông Trương Văn C rồi cùng nhau trộm cắp, khiêng 02 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, mỗi bao có khối lượng 70kg, đặt lên xe mô tô biển số 47N5-5966 chở đi tiêu thụ. Đến khoảng 07 giờ 00 cùng ngày, T và T1 mang 02 bao bắp hạt đã trộm cắp được đến cơ sở xay xát Đ, bán cho ông Nguyễn Văn N (chồng của bà Nguyễn Thị L), được số tiền 910.000 đồng rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 05: Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 14/10/2021, Phan Thanh T1 điều khiển xe mô tô biển số 47N5-5966 chở Vũ Huy T tiếp tục đến sân nhà ông Trương Văn C rồi cùng nhau trộm cắp, khiêng 01 bao bắp hạt, khối lượng 70kg và 01 bao lúa, loại lúa Thái Bình, khối lượng 40kg, đặt lên xe mô tô biển số 47N5-5966. Sau đó, T và T1 tiếp tục đi vào sân khiêng 01 bao bắp hạt, khối lượng 70kg ra xe thì bị ông C phát hiện nên T, T1 bỏ lại xe mô tô cùng 02 bao bắp, 01 bao lúa và bỏ chạy. Sau đó, ông Trương Văn C trình báo sự việc đến Cơ quan Công an và tự nguyện giao nộp: 02 bao bắp hạt, tổng khối lượng 140kg; 01 bao lúa, khối lượng 40kg; 01 xe mô tô biển số 47N5-5966 để phục vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 04 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, gồm: 03 bao, mỗi bao có khối lượng 70kg và 01 bao có khối lượng 76kg để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 210/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 02 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, tổng khối lượng 146kg, trị giá 1.153.000 đồng; 02 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, tổng khối lượng 140kg, trị giá: 1.106.000 đồng; 02 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, tổng khối lượng 140kg và 01 bao lúa, loại lúa Thái Bình, khối lượng 40kg, trị giá 1.426.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định 06 bao bắp hạt, loại bắp lai đỏ, tổng khối lượng 426kg và 01 bao lúa, loại lúa Thái Bình, khối lượng 40kg thuộc quyền sở hữu của ông Trương Văn C. Do vậy, ngày 19/11/2021, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại 06 bao bắp hạt và 01 bao lúa cho ông C. Sau khi nhận lại tài sản, ông C không yêu cầu gì khác.

Đối với 01 xe mô tô, biển số 47N5-5966, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Phan D (bố của bị cáo Phan Thanh T1). Vào các ngày 12, 13 và 14/10/2021, Phan Thanh T1 sử dụng chiếc xe mô tô nêu trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông D không biết. Do vậy, ngày 21/01/2022 Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho ông D.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo

Vũ Huy T và Phan Thanh T1 trả lại số tiền 1.860.000 đồng, là tiền mà ông N và bà L đã trả cho T và T1 khi mua 04 bao bắp hạt.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-HS ngày 10/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo Phan Thanh T1 giao nộp 01 "Giấy nhận tiền" ghi ngày 10/12/2021, tại mục "Người viết giấy" có chữ ký và chữ viết ghi tên "Nguyễn Văn N", bị cáo T1 trình bày: "Giấy nhận tiền" có nội dung thể hiện việc bị cáo tác động gia đình trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L số tiền 900.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan D trình bày: "Giấy nhận tiền" ghi ngày 10/12/2021 mà bị cáo Phan Thanh T1 giao nộp cho Hội đồng xét xử là do ông Nguyễn Văn N viết và ký tên, nội dung xác nhận việc ông Phan D thay mặt bị cáo T1 trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L số tiền 900.000 đồng để khắc phục hậu quả; số tiền này ông Phan D tự nguyện trả thay cho bị cáo Phan Thanh T1 và không yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại cho ông.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản":

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Vũ Huy T từ 9 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh T1 từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã giao trả tài sản cho chủ sở hữu gồm: Trả lại 06 bao bắp hạt, tổng khối lượng 426kg và 01 bao lúa, khối lượng 40kg cho ông Trương Văn C; trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Medal, biển số 47K8-8032 cho ông Dương Minh T3; trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vina Win, biển số 47N5-5966 cho ông Phan D.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 phải liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L số tiền 960.000 đồng (bị cáo Thành phải trả 930.000 đồng, bị cáo Tuấn phải trả 30.000 đồng)

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 19/9/2021 và 10/10/2021, bị cáo Vũ Huy T (có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) trộm cắp của anh Lê Minh H 01 bình hơi gắn 01 máy bơm hơi công suất 01HP, trị giá 800.000 đồng; trộm cắp của ông Dương Minh T3 01 xe mô tô nhãn hiệu Medal, biển số 47K8-8032, trị giá 900.000 đồng. Ngoài ra, liên tục các ngày 12, 13 và 14/10/2021, bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 cùng nhau trộm cắp tài sản gồm 06 bao bắp hạt và 01 bao lúa của ông Trương Văn C, trị giá 3.685.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo Vũ Huy T trộm cắp là 5.385.000 đồng; trị giá tài sản bị cáo Phan Thanh T1 trộm cắp là 3.685.000 đồng.

Xét thấy, các bị cáo là người thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[3] Phân hóa vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Trong các ngày 12, 13 và 14/10/2021, Vũ Huy T và Phan Thanh T1 cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó vai trò đồng phạm của Vũ Huy T là người khởi xướng, rủ rê. Hơn nữa, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Phan Thanh T1, Vũ Huy T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của anh Lê Minh Hòa và ông Dương Minh Tuấn. Do vậy, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Vũ Huy T nghiêm khắc hơn bị cáo Phan Thanh T1 là phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Phan Thanh T1, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Huy T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Vũ Huy T, cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm khắc và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Phan Thanh T1, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo Phan Thanh T1 chưa có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu, gồm: Ngày 19/11/2021, trả cho ông Trương Văn C 06 bao bắp hạt, tổng khối lượng 426kg và 01 bao lúa, khối lượng 40kg; ngày 21/01/2022, trả cho ông Dương Minh T3 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Medal, biển số 47K8-8032 và trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vina Win, biển số 47N5-5966 cho ông Phan D. Sau khi nhận lại tài sản, ông C, ông T3 và ông D không yêu cầu gì khác.

Nhận thấy, việc Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu tài sản nêu trên là đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập trong phần quyết định của bản án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L về việc buộc Vũ Huy T và Phan Thanh T1 liên đới trả lại số tiền 1.860.000 đồng (trị giá 4 bao bắp đã mua của các bị cáo) là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, được khấu trừ số tiền 900.000 đồng mà bị cáo Phan Thanh T1 đã trả vào ngày 10/12/2021. Do đó, cần buộc bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 liên đới trả cho ông N, bà L số tiền còn lại là 960.000 đồng (bị cáo Vũ Huy T phải trả 930.000 đồng, bị cáo Phan Thanh T1 phải trả 30.000 đồng).

Đối với với anh Lê Minh H, quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu bị cáo Vũ Huy T bồi thường trị giá 01 bình hơi gắn máy bơm hơi mà bị cáo chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Lê Thanh Đ, không biết việc bị cáo Vũ Huy T mượn xe mô tô biển số 72C1-26167 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Lê Minh H (vụ 01), nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn N, là những người mua 04 bao bắp hạt do bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 bán. Tuy nhiên, khi mua bắp bà L và ông N không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã mua 01 máy bơm hơi mà Vũ Huy T trộm cắp của anh Lê Minh H, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch người mua nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Dương Văn T là người nhận chiếc xe mô tô biển số 47K8-8032 từ bị cáo T rồi trả lại ông Dương Minh T3 (vụ 02), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng anh Dương Văn T không có mặt tại địa phương, do vậy tách hành vi của anh Dương Văn T ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Huy T: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 25/10/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T1: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Thanh T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phan Thanh T1.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 phải liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L số tiền 960.000 đồng (bị cáo T phải trả 930.000 đồng, bị cáo T1 phải trả 30.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy

định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Huy T và Phan Thanh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND xã H, Tp B;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng